

Ngành than anh hùng

Những người thợ mỏ ngành Than đón xuân ất Dậu 2005 trong niềm vui lớn của mùa than 2004 bội thu với sản lượng 27 triệu tấn than nguyên khai, tiêu thụ gần 25 triệu tấn than sạch là mục tiêu Đảng và Nhà nước ta đặt ra cho ngành than Việt Nam năm 2010. Đặc biệt năm 2004 ngành than đã đưa tốc độ bóc đất đá, đào lò tăng rất cao, đạt 120 triệu mét khối đất đá và 170 km đường lò. Than Việt Nam đã chiếm được thị phần quan trọng trên thị trường than thế giới với sản lượng xuất khẩu 10,6 triệu tấn, góp phần đưa doanh thu của Tổng công ty Than Việt Nam đạt trên 14.500 tỉ đồng, lãi 1000 tỉ đồng. Chặng đường mười năm qua của ngành than đầy giông bão, khó khăn nhọc nhằn, có lúc tưởng như bế tắc, không thể vượt lên. Vậy mà xuân này nhìn lại, tất cả các chỉ tiêu chủ yếu, kể cả thu nhập bình quân của thợ mỏ đều tăng 4 đến 5 lần so với mùa xuân năm 1995 – năm đầu tiên Tổng công ty Than Việt Nam đi vào hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh tế mạnh. Trước những thành tích đặc biệt xuất sắc của ngành than, ngày 6 tháng 1 năm 2005 Chủ tịch nước Cộng hoà XHCN Việt Nam đã kí quyết định phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động thời kì đổi mới cho Tổng công ty Than Việt Nam.

Dù đã hẹn trước, nhưng những ngày đầu xuân tôi không sao gặp được Tổng giám đốc Đoàn Văn Kiển. Cứ tưởng anh sẽ dự lễ đón nhận danh hiệu Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân của Công ty tuyển than Cửa Ông và chứng kiến hai con tàu nước ngoài trên 50 vạn tấn vào ăn than đầu xuân, không phải qua chuyển tải, nào ngờ Đoàn Văn Kiển lại đến tuyển than Hòn Gai, đơn vị phải chuyển ra khỏi thành phố Hạ Long, lần đầu tiên đạt sản lượng 2 triệu tấn. Rồi anh đi tiếp đến Đông Triều dự lễ khởi công xây dựng nhà máy chế tạo thuốc nổ chịu nước đầu tiên của Công ty vật liệu nổ công nghiệp. Tôi đuổi theo về Hà Nội, anh đã đi khai xuân với thợ xi măng La Hiên, thợ điện Cao Ngạn, Na Dương... Chánh văn phòng Phạm Trung Hưng chia cho tôi lịch trình dày đặc của Tổng giám đốc và chuyển cuộc gặp của tôi vào tuần sau.

- Vậy hôm nay anh Kiển đang ở đâu? - Nghe tôi hỏi, Phạm Trung Hưng đáp ngay:

- Lúc này có lẽ anh ấy đang ở độ sâu âm 150 của lòng moong cọc sáu

hay trong lò giồng Mông Dương.... đều ngoài vùng phủ sóng. Mà đến Mông Dương thì anh biết đấy, khó về ngay được lắm!

Tôi hiểu điều anh Chánh văn phòng nói vì lò giồng Mông Dương đã từng gắn bó với Đoàn Văn Kiển những năm gian nan xây dựng nền móng cho mỏ than này. Mông Dương là nơi anh đem những kiến thức tu nghiệp ở Ba Lan cống hiến hết sức mình trong cương vị giám đốc xí nghiệp xây lắp mỏ. Mông Dương là lò giồng hiện đại đầu tiên ở Việt Nam do Liên Xô giúp thiết kế và thiết bị. Do chiến tranh và điều kiện địa chất phức tạp nên thời gian xây dựng phải kéo dài mười tám năm, đến thời kì Đoàn Văn Kiển làm giám đốc mới hoàn thành. Tôi nhớ rõ nụ cười rạng rỡ, trẻ trung của Đoàn Văn Kiển bên cạnh Anh hùng lao động Hà Văn Hồng cùng những người thợ lò, những chuyên gia Xô-viết hôm lò giồng Mông Dương ra tấn than đầu tiên mùa xuân năm 1982. Ngay từ hồi ấy, Đoàn Văn Kiển đã có nhiều cách làm “mạnh tay”, đã đặc biệt chú ý nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho thợ lò. Còn nhớ những buổi giao lưu giữa lớp thợ lò trẻ với các cô gái tuyển than tại nhà văn hoá Mông Dương do thợ lò tự bỏ sức xây dựng đã tác thành nhân duyên, hạnh phúc cho bao cặp vợ chồng mà kĩ sư Doãn Văn Quang giám đốc Công ty than Mông Dương hôm nay vẫn còn nhắc lại như kỉ niệm sâu sắc nhất của đời mình. Ngày ấy, Đoàn Văn Kiển cho phép thợ lò được dùng xe xí nghiệp đón dâu, chỉ cần báo trước với văn phòng trước một ngày là phải có xe, kèm theo bó hoa của giám đốc tặng. Ai không thích hoa được quy ra thành thịt lợn (thời đó ở vùng than ít hoa lắm, hoa quý như thịt phân phối vậy). Sau này khi đã làm giám đốc Công ty than III (Than nội địa) hay đã là Ủy viên Trung ương Đảng khoá VIII, Tổng giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam, năm nào Đoàn Văn Kiển cũng về ăn tết sớm với thợ lò Mông Dương và công nhân mỏ vùng Cẩm Phả, Hòn Gai, Uông Bí, Mạo Khê...

Thời kỳ 1995 đến 1999, ngành than dưới sự điều hành của Đoàn Văn Kiển đã có được những bước đi mạnh mẽ trong sản xuất kinh doanh, tốc độ tăng trưởng đều đặn trên 15%, lập lại được trật tự trong khai thác và tiêu thụ than, đời sống gần 80 nghìn thợ mỏ được cải thiện đáng kể. Thế nhưng thợ lò Mông Dương vẫn không sao mở rộng được diện tích khai thác vì điều kiện địa chất quá phức tạp và vì nhiều lí do khác. Dù được cả ngành than quan tâm, được đích thân Tổng giám

độc dành nhiều tình cảm, Mông Dương chưa vượt qua nổi 60% công suất thiết kế, phải cho mở thêm công trường khai thác lộ thiên mới có thể đưa sản lượng lên 340.000 tấn/năm, đủ trang trải lương cho thợ lò ở mức khiêm tốn nhất.

Năm 2002 sau khi đã cho sử dụng thành công vì thủy lực đơn ở các Công ty hầm lò: Khe Chàm, Mạo Khê, Vàng Danh, Hà Lâm, Thống Nhất, Đoàn Văn Kiển đã kiên quyết chỉ đạo đầu tư lớn cho các mỏ hầm lò đổi mới công nghệ khai thác, bằng mọi cách phải thực hiện thành công việc cơ giới hoá hầm lò để các Công ty hầm lò đều có thể đạt sản lượng trên một triệu tấn/năm. Mông Dương được ưu tiên đầu tư trí tuệ để thay đổi cách nghĩ, cách làm và đổi mới công nghệ toàn diện. Năm 2003 được đầu tư 30 tỷ đồng, Mông Dương đã vượt qua công suất thiết kế, đạt trên 760.000 tấn than, doanh thu 200 tỷ đồng, đạt gần gấp đôi năm 2002. Năm 2004, được đầu tư thêm 50 tỷ đồng, Mông Dương đã vươn lên sản lượng 1,2 triệu tấn than, doanh thu trên 350 tỷ đồng, không chỉ trả hết nợ cũ mà còn thực lãi trên 20 tỷ đồng, lương thợ lò đã lên đến bốn, năm triệu đồng/tháng. Nhiều thợ lò giỏi xuân này có thu nhập mười một, mười hai triệu. Hôm chúng tôi làm phim tài liệu về “Vùng sáng Mông Dương” Đoàn Văn Kiển vui như chính anh đang là thợ lò Mông Dương vậy. Anh nói: “Cái lãi lớn nhất của Mông Dương không chỉ tính bằng tiền mà còn có ý nghĩa to lớn cho tương lai lâu dài của thợ mỏ, tạo nên nhiều vùng sáng trong lòng đất, trong suốt chiều sâu của than...”

Ngày xuân, ngày tết kị ức thường ập đến. Gặp tôi kĩ sư Bùi Trung Thành nguyên Giám đốc Công ty than Cẩm Phả, kĩ sư, Anh hùng lao động Đặng Văn Bình, nguyên giám đốc Công ty than Đèo Nai đều không quên nhắc đến “sự kiện giảm sản xuất năm 1999” dẫn đến những ngày xuân năm 2000 ngành than kém vui. Chính anh Bình là người nói với tôi nên khuyên anh Kiển “hãy từ từ. Có thể một tuần nghỉ ba, bốn ngày đã”. Nhưng Đoàn Văn Kiển dường như đã lường trước mọi phản ứng, nói ngay: “....Than ứ ở bến cảng hơn hai triệu tấn, ứ ở các mỏ hơn hai triệu tấn nữa, không bán được mà còn tiếp tục khai thác là tự sát. Một ngày tiêu tốn hàng trăm triệu đồng tiền lãi. Phải tạm ngừng hai tháng, ba tháng để lo khâu tiêu thụ, để củng cố thiết bị, để đào tạo lại công nhân, cán bộ và cũng có rất nhiều người cần thời gian chữa bệnh, phục hồi sức khỏe. Tổng công ty sẽ cố gắng để tổng thu

nhập của công nhân năm nay không giảm. Hãy cứ coi đây là cuộc tập dượt cho thợ mỏ quen với cơ chế thị trường, quen với quy luật cung – cầu ”.

Tôi đã hỏi nhiều quan chức có trách nhiệm về việc này và ai cũng cho rằng: “Cần chấp nhận tạm giảm sản xuất và quyền hạn của Tổng giám đốc được phép điều tiết công việc để bảo đảm hiệu quả lâu dài ”. Thế nhưng những vị này sau đó đã quay ngoắt 180 độ, phê phán khá gay gắt những việc làm “sai trái ” của ngành than – kể cả việc “đầu tư không hiệu quả”? Còn báo chí thì than ôi, có đến hàng trăm bài báo “đánh hội đồng ”, cùng hàng nghìn tờ rơi được phô tô rải khắp vùng than “kể tội Đoàn Văn Kiển” trước thềm Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Không ít kẻ cơ hội đã vui mừng khi Đoàn Văn Kiển không còn là Trung ương uỷ viên khoá IX và họ tung tin, đồn thổi, họ mong muốn đưa người này, người nọ lên thay anh điều hành Than Việt Nam. Nhưng hầu hết công nhân cán bộ ngành than vẫn tin cậy, vẫn thương yêu anh. Mùa xuân năm ấy hàng ngàn người đã gặp gỡ, đã gọi điện bày tỏ sự đoàn kết quanh anh để đưa ngành than vững tiến. Trong những ngày lạnh lẽo ấy Đoàn Văn Kiển tâm sự với tôi rằng: Anh không muốn đi đâu cả, dù có được đề bạt chức vụ cao hơn. Anh mong tiếp tục thực hiện kì được chiến lược phát triển lâu dài của ngành than Việt Nam để đưa sản lượng than xứng đáng với vị thế đất nước và đưa chất lượng cuộc sống thợ mỏ ngang bằng với những ngành nghề giàu sang khác. Trung ương Đảng và Chính phủ đã nhận thức rõ năng lực và phẩm chất của Đoàn Văn Kiển nên không những vẫn để anh giữ chức Tổng giám đốc mà còn giải quyết nhiều vấn đề có lợi cho ngành than sau cuộc tổng thanh tra.

Đoàn Văn Kiển sinh năm Kỷ Sửu (1949). Mệnh có Thiên tướng, âm, Dương đắc địa, thuộc vào hạng người thông minh, năng động, dám quyết đoán và dám chịu trách nhiệm, nhưng cũng là người nặng tình, nặng nghĩa, không tham quyền cố vị. Chức Tổng giám đốc đến với anh rất bất ngờ. Chị Loan vợ anh chỉ muốn chồng làm chức “be bé”, ít trọng trách, không phải đi biên biệt. Nhưng số phận đã gắn bó mãi Đoàn Văn Kiển với thợ mỏ vùng than. Tôi chỉ hơi ngạc nhiên khi anh không “hạ bệ” những kẻ dưới quyền đã “đâm lén” mình trong lúc “dậu chưa đổ, bìm đã leo ”. Anh cười nói: “Dụng nhân như dụng mộc. Họ

phải tự biết, tự sửa mình mới tồn tại được ". Khi thấy Tổng Công ty cho tách quá nhiều Công ty nhỏ, có đến 54 đơn vị trực thuộc, một số giám đốc trẻ được đề bạt có vẻ chưa đúng tầm, nhiều người tỏ ra lo ngại, anh Kiển giải thích: "Quy hoạch đào tạo cán bộ ngành than lâu nay chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, vì thế nhỏ mà hiệu quả tốt vẫn lợi hơn. Hôm nay còn nhỏ, còn yếu, ngày mai sẽ lớn, sẽ mạnh. Mục tiêu tất cả các công ty sản xuất đều phải đạt trên một triệu tấn than thì toàn ngành mới vươn tới sản lượng hai ba chục triệu tấn được. Nghề giám đốc mỏ là một nghề cực nhọc, chưa có trường nào đào tạo, chúng ta phải tự đào tạo từ các kĩ sư trẻ. Phải tin họ, phải giúp họ trụ vững và sẵn sàng nhường chỗ cho họ thay thế khi cần thiết ..."

Dù là người rất quyết đoán, nhưng Đoàn Văn Kiển luôn tôn trọng mọi quyết định của Hội đồng quản trị, của Ban cán sự Đảng và Đảng uỷ than Quảng Ninh. Anh và Chủ tịch Nguyễn Viết Hoè trước đây hay Chủ tịch Nguyễn Văn Long hiện nay thường có sự nhất trí cao từ việc đề bạt cán bộ đến việc đầu tư vào những công trình lớn. Có nhiều việc Hội đồng quản trị đề ra anh giải quyết ngay trong ngày, đôi khi cũng làm cho cấp dưới phật lòng như trường hợp điều Phó tổng giám đốc Nguyễn Văn Kiệm về làm giám đốc Công ty than Cọc Sáu và Phó tổng giám đốc Nguyễn Anh Hào về làm hiệu trưởng trường đào tạo nghề mỏ Hồng Cẩm khiến hai vị này đều bị "bất ngờ ". Anh xin lỗi và giải thích ngắn gọn rằng: ở đó đang rất cần sự điều hành của hai anh. Hãy cố gắng giúp tôi...

Năm 2004 Cọc Sáu đã đạt sản lượng cao nhất ngành than với 2,7 triệu tấn và bóc xúc 16 triệu mét khối đất đá, mở rộng được lòng moong, tiếp tục khai thác xuống sâu hơn mức âm 150 mét, ai cũng thừa nhận "tài năng của ông Kiệm ". Còn Trường đào tạo nghề mỏ Hồng Cẩm của hiệu trưởng Nguyễn Anh Hào càng ngày càng có thêm nhiều học sinh, nhiều ngành nghề mới, nổi tiếng khắp vùng.

Cọc Sáu, Đèo Nai, Hà Tu là ba mỏ lộ thiên lớn được thành lập từ năm 1960 với công suất thiết kế một triệu tấn/năm và tuổi thọ không quá 40 năm. Theo thiết kế thì cả ba mỏ này đều có thể đóng cửa sau năm 2000. Thế nhưng năm 2004 ba mỏ này không chỉ đều đạt trên dưới 2 triệu tấn than mà còn kéo dài tuổi thọ hàng chục năm nữa và chiều sâu đáy mỏ sẽ xuống tiếp hàng trăm mét so với mặt biển. Chủ trương thăm dò, đánh giá lại tài nguyên cùng với sự mạnh bạo đổi mới công nghệ,

thiết bị khai thác của Tổng công ty than Việt Nam đã được các Công ty hăng hái thực hiện sáng tạo. Kỹ sư Nguyễn Văn Kiệm là người đã lần lộn tìm kiếm đủ phương sách hút bùn ở đáy moong Cọc Sáu trước đây, thậm chí đã có lúc phải thuê cả tàu hút bùn, nay ung dung nói với tôi rằng: “Cọc Sáu càng xuống sâu càng vững vàng, càng bóc nhiều đất đá, lấy nhiều than và chắc chắn sẽ vươn tới sản lượng 3 triệu tấn/năm”. Cùng với Đèo Nai, Cửa Ông, Cọc Sáu đã được phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng thời kì đổi mới và Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Tháng 11 năm 2003, khi ngành than bốc rút tấn than thứ 16 triệu tại cảng Cửa Ông, Tổng giám đốc Đoàn Văn Kiển nói với tôi rằng: “Nếu năm 2004 Cửa Ông kéo mở và sàng tuyển được trên 8 triệu tấn than thì không cần xây thêm nhà sàng mới ở đây mà đầu tư nhà sàng 5 triệu tấn vào Mông Dương – Khe Châm.” Năm nay chỉ mới đầu tư khoảng 100 tỉ đồng, Cửa Ông đã làm được chuyện phi thường đạt sản lượng 8,6 triệu tấn, cao hơn công suất thiết kế 3,6 triệu tấn.

Tổng giám đốc Đoàn Văn Kiển đề nghị Hội đồng quản trị duyệt ngay cho Cửa Ông đầu tư tiếp 600 tỉ để năm 2005 có thể vươn tới sản lượng 10 triệu tấn. Kỹ sư Hoàng Lâm Chính giám đốc công ty Cửa Ông tâm sự rằng: Có rất nhiều việc tưởng như không thể làm được, từ mặt bằng kho than bến cảng chật hẹp, đến sức kéo của các đoàn tàu có hạn. Thế nhưng khi biết sắp xếp hợp lý từng ca, từng ngày, tăng công suất đầu máy, tăng tải trọng mỗi toa và áp dụng vận trù học, không để khoảng trống thì chỉ cần một chuyến tăng 10%, mỗi ngày tăng thêm ba, bốn chuyến, quay vòng toa xe nhanh thì đã có thể đáp ứng được nhu cầu ra than. Đầu tư lớn để tăng tốc nhanh, nhưng lúc nào cũng cần khai thác triệt để năng lực sẵn có.

Viết lại những điều này thật dễ, nhưng tôi hiểu để đều đặn có sản lượng trên 20.000 tấn than mỗi ngày suốt quanh năm thật chẳng dễ chút nào. Cơ chế khoán vật tư, khoán sản lượng, khoán tiền lương đến tận tổ sản xuất khi đã đi vào nền nếp thì ở đâu cũng mang lại hiệu quả tốt đẹp. Chiều sâu của công tác quản lý tài chính trước hết phải thực sự thấm vào ý thức của người thợ, gắn liền với lợi ích thiết thân trong thu nhập mỗi ngày.

Khi tổ chức đấu thầu bóc 120 triệu mét khối đất đá để lấy 20 triệu tấn than ở phía đông Cao Sơn, có nhiều Công ty trong và ngoài nước

tham gia, Đoàn Văn Kiển rất lo lắng cho Công ty than Cao Sơn, anh chỉ thị: “Cao Sơn phải thắng thầu với giá thầu rẻ nhất. Nếu thua sẽ có ảnh hưởng xấu không chỉ với Cao Sơn”. Giám đốc Lê Đình Trường và các kĩ sư Cao Sơn đã quên ăn quên ngủ, ngày đêm khảo sát, tính đi tính lại, cắt bỏ mọi kẽ hở, tìm sự liên kết từ Cọc Sáu, Đèo Nai tạo ra sức mạnh mới. Không chỉ thắng thầu, Cao Sơn còn mở ra một thời kì làm ăn mới, vóc dáng mới để tự khẳng định mình trong sản lượng trên 2 triệu tấn/năm.

Than Na Dương, than Quán Triều vùng Lạng Sơn, Thái Nguyên nhiệt lượng thấp, lấm tạp chất khó tiêu thụ, công nhân mỏ ở đây đã phải trồng chè, trồng thuốc lá bù vào tiền lương quá thấp. Chủ trương làm nhiệt điện Cao Ngạn, Na Dương là đúng đắn, nhưng chẳng hề thuận lợi và cũng lấm ý kiến nghi ngờ cả chủ trương đa dạng hóa sản xuất, tạo thêm nhiều nghề kinh doanh trên nền than. Tôi đã từng dự nhiều cuộc họp bàn về việc xây dựng các nhà máy nhiệt điện của ngành than từ thời đồng chí Võ Văn Kiệt còn làm Thủ tướng. Người ta lo ngại giá thành điện sẽ cao, việc quản lí điện phức tạp, đội ngũ cán bộ, công nhân lấy đâu ra v.v... Tôi nhớ Thủ tướng Võ Văn Kiệt nói: “Nếu than Na Dương không thể tiêu thụ, không thể làm gì khác, thì nhất quyết phải xây dựng bằng được nhiệt điện Na Dương...”. Bây giờ không phải chỉ có Nhiệt điện Cao Ngạn, Na Dương sẽ đi vào hoạt động mà Nhiệt điện Cẩm Phả đang khẩn trương được triển khai cùng với một số nhà máy nhiệt điện khác ở các tỉnh có than chủ trương “tự kích nhu cầu tiêu dùng than” của Tổng giám đốc Đoàn Văn Kiển, cùng với sự mở rộng hệ thống chế biến, tiêu thụ đã đẩy sức tiêu dùng than nước ta lên 15 triệu tấn/năm. Nếu chỉ thực hiện theo sơ đồ phát triển, chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước đặt ra vào năm 2005 là 15 triệu tấn than thì năm 2004 ngành than làm sao còn than để xuất khẩu được 10,6 triệu tấn? Có nhà báo Nguyễn An Định (Chu Thượng) từng viết: “Sản xuất được 10 triệu tấn than đã khó, bán sạch 10 triệu than sạch còn khó hơn rất nhiều. Có chui vào lò chợ mới thấu hiểu làm vượt mức một tấn than, thợ mỏ phải đổ bao nhiêu lít mồ hôi. Có gánh than tổ ong đi bán mới biết bán vượt một tấn than nhọc nhằn thế nào...”.

Trước đây chẳng hiểu vì thích “chơi trội” hay vì muốn thử sức mình trong cơ chế thị trường người ta cho tách một số nhà máy cơ khí khỏi

ngành than để ra đời Tổng Công ty cơ khí năng lượng và mỏ. Công nhân thiếu việc làm, không có lương kéo dài, bàn mãi mới trả lại các nhà máy này về cho Than Việt Nam thì “Ông Kiển phải đứng ra nhận lỗ cả trăm tỉ đồng”. Nay tất cả các nhà máy cơ khí đều đã đi vào sản xuất ổn định, thu nhập công nhân cơ khí đã tăng gấp đôi, gấp ba. Công ty công nghiệp ô tô than Việt Nam đã cho ra đời những chiếc xe tải hợp tác với Ucraina và Nga được thị trường tín nhiệm. Nhờ sự hoạt động có hiệu quả của công ty đầu tư Thương mại, Du lịch, công ty Đại lí tàu biển Than Việt Nam, Công ty Đóng tàu Than Việt Nam... Doanh thu ngoài sản xuất than đã nhanh chóng nâng lên chiếm trên 30% tổng doanh thu của toàn ngành, tạo thêm việc làm cho gần 10.000 người. Sắp đến lúc than Việt Nam sẽ có cả đội tàu biển để có thể chủ động chở than đến mọi hải cảng và trong một tương lai không xa, cảng Cửa Ông sẽ được nối liền với cảng Vân Đồn là thương cảng nổi tiếng từ thời Lý để trở thành một cảng hàng hóa lớn, chứ không chỉ là cảng chuyên dùng bốc rót than. Một tập đoàn kinh tế mạnh phải biết vươn tới nhiều lĩnh vực và nhiều châu lục để phát triển trên nền tảng của Than.

*

Cuối cùng thì tôi cũng gặp được Tổng giám đốc Đoàn Văn Kiển vào một đêm xuân se lạnh tại văn phòng Công ty than Mạo Khê. Anh vừa cùng Giám đốc Vũ Văn Quyết đi tặng quà xuân cho những thợ lò giỏi và những gia đình thợ lò bị tai nạn. Thật khó quên vụ nổ khí mê tan năm 1999, khiến cho nhiều cán bộ lãnh đạo Tổng Công ty và Mạo Khê gầy rộc vì đau buồn và lo nghĩ, tìm cách xốc Mạo Khê đi lên. Không chỉ đứng ra tổ chức lễ tang chu đáo, Tổng giám đốc Đoàn Văn Kiển đã có nhiều quyết định quan trọng ngay tại chỗ để cả ngành than chi viện kịp thời cho Mạo Khê, đưa công ty này vào điều kiện sản xuất có khí nổ đặc biệt. Tất cả các thiết bị đều được thay thế đủ điều kiện chống cháy nổ và một hệ thống dự báo cháy nổ tự động hiện đại được lắp đặt ngay. Mạo Khê đã xử lí thành công việc phun hàng nghìn tấn vữa bê tông chặn túi bùn nước khổng lồ ở phay FA, mở ra được nguồn than lớn ở mức âm 80, nhanh chóng vượt qua sản lượng 1,5 triệu tấn, rồi 2 triệu tấn/năm. Tổng giám đốc Đoàn Văn Kiển đánh giá cao tay nghề và bản lĩnh của thợ lò Mạo Khê, mở có tuổi thọ lâu nhất ngành than. Anh

vở vai Giám đốc Vũ Văn Quyết nói vui: “Trong cái rủi, có cái may. Bây giờ hóa ra Mạo Khê là công ty hoàn chỉnh nhất, đầy đủ nhất. Nào là nhà văn hóa, nào sân vận động, công viên và có cả một giám đốc giỏi làm thơ nữa chứ ! ”. Chúng tôi được dịp nghe Vũ Văn Quyết đọc liền năm bài thơ, bài nào cũng lấp lánh, cũng ảm áp hơi than. “Đêm nay, sợi tóc nào trở mình/ bạc trên mái đầu anh/ Để sáng mai mắt em nhìn xa xót/ Cuộc sống, nào ai biết được/ một chiếc lá lìa cành vạt trái tim đau/ Ngọt bùi đắng cay mình chia sẻ cho nhau...”

Tôi nhìn lên mái tóc đã bạc quá nửa của Đoàn Văn Kiển và chờ anh nhận xét về bài thơ. Đoàn Văn Kiển cười và nói to: “Cũng phải nhuộm tóc thôi ông ạ! Người ta nhuộm hết mà mình không nhuộm thì hóa ra mình già hơn họ sao? Mà đã đến lúc giám đốc mò còn phải quan tâm đến thời trang và son phấn cho chị em công nhân, dạy cho họ biết làm đẹp, biết nấu ăn ngon... biết nuôi con, chăm chồng. ấy là cách giữ chồng tốt nhất đấy”. Rồi anh hạ giọng: “Giám đốc biết làm thơ, viết văn thật đáng quý, nhưng ông phải chăm lo thật tốt cho những tài năng văn nghệ, thể thao của công nhân mò phải bỏ tiền ra in thơ cho họ, cho các cụ đã về hưu. Họ gửi lên tôi nhiều thơ lắm đấy ! ”. Vũ Văn Quyết báo cáo với Tổng giám đốc rằng Mạo Khê đã in 2 tập thơ của công nhân, anh chị em rất phấn khởi. Đoàn Văn Kiển vung mạnh tay: “Cái lợi của văn hoá - thể thao đâu chỉ cho sức khỏe, cho tâm hồn mà còn là nhu cầu sống, là quyền được hưởng thụ của người thợ”. Trong tâm trạng phấn khởi và đầy ý thức đầy trách nhiệm Đoàn Văn Kiển say sưa nói với tôi về chất lượng cuộc sống của thợ mỏ hôm nay. Ngày xưa các cụ trí thức đi “vô sản hóa” ở vùng than. Ngày nay nếu chúng ta không trí thức hóa người công nhân mỏ thì sản xuất không thể phát triển được. Công cuộc cơ khí hóa, hiện đại hóa không chỉ đòi hỏi nâng cao trình độ chuyên môn mà còn cần phải giúp người thợ có tầm nhìn xa, rộng, có nếp sống văn hóa từ cách ăn, cách nói, cách ứng xử văn minh, công nghiệp và lối sống có trách nhiệm trong mỗi gia đình, mỗi tổ sản xuất. Không thể có một người thợ giỏi khi không biết quản lí gia đình, không biết nuôi dạy con cái. Những điều này trước đây vì quá bận vào sản xuất, chưa chú ý đúng mức.

Khai thác than khó tránh được bụi, nhưng không thể tiếc tiền khi dùng công nghệ phun sương để dập bụi ở các khai trường, trang bị máy

điều hòa nhiệt độ cho ô tô, máy xúc, trang bị các hệ thống quạt gió hiện đại trong tất cả các đường lò. Ngành than đã chi tối đa cho công tác bảo hộ lao động để hạn chế hệ số rủi ro với hệ thống phòng chống cháy nổ và lực lượng cấp cứu mỏ được trang bị hoàn chỉnh. Tất cả các công ty sản xuất than đã tích cực trồng rừng, xử lý nước thải với tổng chi phí lên đến hàng trăm tỉ đồng. Công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật đã có những bước tiến quan trọng với nhiều công trình có giá trị lớn góp phần đánh giá đúng tài nguyên, đổi mới công nghệ khai thác, sàng tuyển, điều hành sản xuất quản lý.

Chỉ trong có 4 năm sau sự kiện tập dượt giảm sản xuất, ngành than Việt Nam đã có được sự tăng trưởng toàn diện thật phi thường, khiến chính tôi, một nhà văn từng gắn bó với thợ mỏ cũng phải ngạc nhiên, phải điều chỉnh lại cấu trúc cuốn tiểu thuyết của mình. Có những điều tưởng như gai góc, bây giờ trở nên bình thường, dễ nói, dễ thông cảm, thậm chí không cần nhắc đến khi sản lượng than tăng nhanh, đời sống thợ mỏ đã thực sự no ấm, có quyền nghĩ đến giàu sang.

Bể than Đông Bắc có trữ lượng hàng tỉ tấn, từ thời Pháp đến nay mới khai thác chừng 300 triệu tấn. Bể than Đồng bằng Bắc Bộ cũng có trữ lượng rất lớn đã có kết quả thăm dò sơ bộ. Tất cả các vỉa than quý đều nằm rất sâu, những chiều sâu của than luôn đòi hỏi những chiều sâu tư duy của con người mà có thể những tư duy lạ, tư duy quá sớm dễ bị đánh giá sai hoặc bị coi thường. Một cán bộ lão thành của ngành than đã nói với tôi như vậy và khẳng định rằng: - Đoàn Văn Kiển là một cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có sức làm việc, sức đọc, sức nghĩ, sức đi không hề biết mệt mỏi. Anh là con người của hành động và sáng tạo.

Tôi hỏi Đoàn Văn Kiển về tương lai của ngành than và về việc tăng giá than, anh cho biết: Năm 2005 có lẽ không thể dưới 30 triệu tấn và những năm sau sẽ phải nghĩ đến 40, 50 triệu tấn. Nghĩa là phải bốc xúc trên 300 triệu mét khối đất đá, phải đào 400 nghìn mét đường lò mỗi năm. Quả là vô cùng khó khăn. Nhưng 82 triệu tấn sản lượng đó chưa thể gọi là cao. Có điều tất cả các khai trường đều phải xuống rất sâu, cần có nhiều chiều sâu trí tuệ và công nghệ thật hiện đại mới đáp ứng được yêu cầu than của đất nước. Với sức phát triển nhanh của điện, xi măng, hóa chất, xây dựng, sắt thép... than tiêu dùng của nước ta trong các năm tới là rất lớn, nếu không đầu tư mạnh thì phải giảm

sản lượng xuất khẩu. Giá than bán trong nước hiện nay thấp hơn rất nhiều so với giá xuất khẩu, thậm chí thấp hơn cả giá thành. Vì thế nếu ngành than không đáp ứng kịp, thử hỏi các ngành phải nhập than thì sao đây? Không chỉ vì sự công bằng trong cơ chế thị trường, vì đời sống của thợ mỏ mà còn vì chính sự ổn định năng lượng lâu dài cho đất nước, ngành than buộc phải đề nghị Chính phủ cho tăng giá than với mức khiêm tốn, khoảng 16% trong khi năm 2004 giá than thế giới đã tăng 140%. Thực tế mấy năm qua ngành than đã chịu sức ép rất lớn từ giá nhiên liệu, vật tư tăng vọt, rất may nhờ tự sản xuất được thuốc nổ, chế tạo được nhiều phụ tùng và đã xuất khẩu được nhiều than hơn nên vẫn điều tiết được giá thành. Trong quá trình hội nhập, dù than Anthracit của Việt Nam tốt đến mấy cũng phải chấp nhận mặt bằng giá của toàn cầu và tương lai chỉ có một giá thống nhất thôi. Đó là con đường sống còn của bất cứ ngành kinh tế nào.

Nhớ lại hồi mới nhận chức Tổng giám đốc, Đoàn Văn Kiển đã nói rõ mục tiêu của mình với các nhà báo: Xin hãy “ trả lại tên cho em”, trả lại vị trí xứng đáng của hòn than chứ không thể bán than như cho không, hay như có nhà báo đã viết: “một con gà đá bay một tấn than”.

Mùa xuân năm nay, dù giá than chưa được tăng cao như xăng dầu, nhưng thợ mỏ đã có trong tay cả một ngàn tỉ tiền lãi, có mức sống cao gấp năm lần mùa xuân mười năm trước. Ngành than đã thực sự không còn gia đình nào nghèo khó.

Đi trên những băng tầng rộng của các mỏ lộ thiên bề thế, kang trang hay đi vào những đường lò chợ ẩm hơi than, tôi chợt nhận ra chiều sâu đáy mỏ tỉ lệ thuận với chiều sâu chất lượng sống của người thợ mỏ. Sức xuân từ những chiều sâu than đang giục giã những bước chân thợ mỏ vươn tới những tầm cao mới trong thời cơ vàng của đất nước, xứng đáng với danh hiệu Đơn vị Anh hùng lao động và Huân chương Sao Vàng.

Xuân ất Dậu 2005

V.K.N

(Báo Văn nghệ)